TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS - ST
Ngày 08/11/2023
"*V/v: Kiện tranh chấp*
về quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Thuỷ
2. Bà Phạm Thị Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Đại Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/10 và ngày 08/11/2023; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/202022/TLST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc "Kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX- DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D , sinh năm 1973. Nơi cư trú: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Cháu Lương Cẩm L, sinh ngày 30/7/2007.

2. Cháu Lương Anh Q, sinh ngày 13/11/2009.

Đều trú tại: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Cháu L và cháu Q đều là con của Anh Lương Văn Lu (đã chết) và chị Nguyễn Thị D .

Người đại diện theo pháp luật cúa cháu Ly và cháu Quân: Chị Nguyễn Thị D , sinh năm 1973; Trú tại: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên – là mẹ đẻ cháu L và cháu Q. Có mặt.

3) Bà Trần Thị V, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (bà V là vợ ông Gi). Có mặt.

4) Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1990;Nơi cư trú : Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (anh L là con của ông Gi, bà V). Có mặt.

Người làm chứng trong vụ án:

1) Ông Đinh Văn T, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

2) Bà Bế Thị T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Xóm D, xã C, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và lời trình bày tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D trình bày: Năm 2006, bà kết hôn với ông Lương Văn Lu, sau khi kết hôn bà và ông Lu chung sống trên thửa đất thổ cư hiện tại và sử dụng phần đất phía sau để làm vườn, trồng rau, chuối, thả cá. Về nguồn gốc thửa đất sau khi kết hôn với ông Lu bà được biết thửa đất này trước đây ông Lu – chồng bà nhận chuyển đổi quyền sử dụng đất với ông Đinh Văn T, người cùng xóm Đồng Màn, xã Bảo Cường, sau khi đổi đất, ông Lu sử dụng đến khi kết hôn với bà thì hai vợ chồng sử dụng liên tục, không tranh chấp với ai. Năm 2013 ông Lương Văn Lu – chồng bà chết do bệnh tật, bà vẫn sử dụng. Ngày 20/10/2020, bà thuê người dùng phương tiện đổ đất lấp phần đất trũng để xây dựng chuồng trại chăn nuôi thì anh Nguyễn Thành L – là con trai ông Nguyễn Văn Gi, trú tại xóm Đoàn kết 1, xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên đến cản trở không cho đổ đất. Anh L – con ông Nguyễn Văn Gi cho rằng diện tích phần đất trũng bà D đổ đất lấp là của ông Gi, vì diện tích đó có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Gi, hai bên xảy ra cãi nhau to tiếng, bà D đã đề nghị chính quyền can thiệp, trưởng xóm Đồng màn xã Bảo Cường đã cùng công an viên xã, xóm đã mời ông Đinh Văn T, trú tại xóm Đồng Màn, xã Bảo Cương là chủ đất cũ đến nơi tranh chấp để lập biên bảm làm việc. Ông Đinh Văn T là chủ đất cũ trước đây đổi đất cho anh Lương Văn Lu – chồng bà D (đã chết), sau khi đổi đất cho ông Luyến, phần đất còn lại ông chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Gi. Ông T xác định vị trí, ranh giới diện tích đất đổi cho ông Lương Văn Lu thì phần đất đang tranh chấp, bà D đổ đất, anh L cản trở là thuộc quyền sử dụng của bà D (vợ ông Lu). Sau khi xóm lập biên bản, bà tiến hành rào phần đất này lại. Ngày 06/02/2021 bà Trần Thị V – là vợ ông Gi cùng anh Nguyễn Thành L – là con ông Gi, bà V cùng trú tại xóm Đoàn Kết 1, xã Trung Hội đến vị trí đất tranh chấp đập phá và làm đổ tấm tôn bà rào và hai bên tiếp tục xảy ra cãi vã to tiếng. Bà tiếp tục đề nghị chính quyền địa phương đến can thiệp. Ngày 23/4/2021 Uỷ ban nhân dân xã Bảo Cường đã tiến

hành xuống thực địa kiểm tra, đối chiếu với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gữa ông Đinh Văn T và ông Nguyễn Văn Gi theo biên bản kiểm tra thực địa ngày 16/3/2007 trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó tiến hành hoà giải về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng không thành.

Nay bà đề nghị Toà án giải quyết công nhận phần diện tích đất tranh chấp theo đúng kết quả đo vẽ hiện trạng là của gia đình bà để bà làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Gấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do bà V, anh L đập phá bờ rào, tại phiên toà bà không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn Gi và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V (vợ ông Gi) trình bày: Phần diện tích đất có tranh chấp trên là của ông bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn T. Việc chuyển nhượng hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 045160 do Uỷ ban nhân dân huyện Định Hoá cấp ngày 16/5/2007 bao gồm các thửa đất 622, 625, 1015 tờ bản đồ số 02 bản đồ 299 xã Bảo Cường. Phần đất này sau khi nhận chuyển nhượng không ai sử dụng. Kết quả đo vẽ hiện trạng đất của ông bà bị thiếu, không đủ diện tích như khi nhận chuyển nhượng nên trong quá trình giải quyết, hoà giải và tại phiên toà, ông bà đề nghị giải quyết chia đôi diện tích đất có tranh chấp, để bà D sử dụng ½ diện tích theo phía đường nội đồng, ông bà sử dụng ½ diện tích tiếp giáp với đất của ông bà hiện tại.

Quá trình giải quyết, Toà án tiếp tục tiến hành lấy lời khai người làm chứng: Ông Đinh Văn T và bà Bế thị Thái xác định phần diện tích đất có tranh chấp giữa bà D với gia đình ông Nguyễn Văn Gi hiện tại trước đây là đất ruộng của ông bà, năm 2004 ông bà chuyển đổi quyền sử dụng đất cho anh Lương Văn Lu (chồng bà D , đã chết) để anh Luyến lấy phần diện tích đất này, còn ông bà lấy phần diện tích đất ở thửa đất khác của anh Luyến, hai bên có làm thủ tục chuyển đổi đất, sau đó hai bên sử dụng ổn định. Phần đất còn lại của hai thửa đất sau khi chuyển đổi cho anh Luyến ông bà sử dụng đến năm 2007 thì chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Gi, khi chuyển nhượng đã chỉ rõ chỉ giới, ranh giới đất chuyển nhượng, không có phần diện tích đất có tranh chấp hiện tại, chuyển nhượng đúng, đủ diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình thu thập tài liệu chúng cứ thể hiện:

Về hồ sơ địa chính: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 90, tờ 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường được đo đạc và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên phê duyệt năm 2006. Thửa đất này gồm diện tích thửa 625 và

một phần diện tích thửa 622 tờ bản đồ số 02- bản đồ 299 xã Bảo Cường. Nguồn gốc đất, quá trình sử dụng biến động như sau:

Thửa đất số 625 diện tích 622 m2, thửa đất số 622 diện tích 770 m2 đều thuộc tờ bản đồ số 2 – bản đồ 299 xã Bảo Cường, nguồn gốc đất là của ông Đinh Văn Nhiên (là bố đẻ ông Đinh Văn T). Năm 1994 ông Đinh Văn Nhiên được Uỷ ban nhân dân huyện Định Hoá cáp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 26/4/2004 ông Đinh Văn Nhiên làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con trai là ông Đinh Văn T. Ngày 10/6/2004 ông Đinh Văn T làm Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn Lu (ở xóm Đồng màn, xã Bảo Cường), ông T chuyển đổi cho ông Lu 230 m2, trong đó thửa 625 chuyển đổi 128 m2 (diện tích thửa 625 còn lại là 494 m2); thửa 622 chuyển đổi 102 m2 (diện tích thửa 622 còn lại 668 m2). Năm 2005 ông Đinh Văn T chuyển mục đích sử dụng đất 52, 4 m2 tại thửa đất số 622 (diện tích còn lại của thửa 622 là 615,6 m2). Năm 2006 tiến hành đo đạc bản đồ địa chính do chưa tách phần đất đổi cho ông Lương Văn Lu nên đã đo bao cả phần diện tích đất này trong cùng thửa đất số 90 tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường và ông T chưa được cấp lại, cấo đổi theo bản đồ địa chính. Ngày 16/3/2007 ông Đinh Văn T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Gi, sinh ănm 1968, trú tại: Xóm Đoàn Kết, xã Trung Hội, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Hợp đồng ghi rõ các thửa đất chuyển nhượng, trong đó thửa 622 diện tích chuyển hượng là 615,6 m2, thửa 625 diện tích chuyển nhượng là 494 m2, sơ đồ và biên bản kiểm tra thực địa ghi rõ phía đông (thửa 625) giáp đất ruộng ông Nhâm có cạnh là 34 mét, phíc Bắc giáp đất ông Lu là 20 mét. Sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn Gi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/5/2007 theo đúng hượp đồng chuyển nhượng.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Quá trình đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2023 thể hiện: Diện tích đất có tranh chấp giữa các bên thuộc thửa đất số 90, tờ 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (Bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt năm 2006). Hiện trạng phần diện tích đất tranh chấp theo bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 90, diện tích đất tranh chấp là 173,4 m2 qua các điểm D-E-F- G- Z-Y- X- R- D (trong đó thuộc thủa 426 là 0,3 m2 qua các điểm G-Z-Y-G thửa đất này bà D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) phần tranh chấp chưa bên nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 173,1 m2 qua các diểm DEFGYRD theo bản vẽ hiện trạng của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ Tài nguyên - Môi trường và Xây dựng số 6 (Đc: Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội). Trên diện tích đất tranh chấp có tài sản, công trình

xây dựng của bà D như sau: 03 khóm chuối, 01 bức tường xây gạch xi li cát dài 6, 85 mét, cáo 2,45 mét; móng dài 6,85 mét, rộng 50 cm.

Kết quả định giá tài sản ngày 07/6/2023 như sau: 1m2 đất 2 lúa có giá trị 52.000 đồng /1m2. 173,1 m2 X 52.000 đ/m2 = 9.001.200 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất (của bà D) gồm chuối, tường xây, móng tường (đá) là : 3.697.044 đồng.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã được công khai. Sau khi công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ của các bên cung cấp và tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập được, Toà án đã tiến hành Hoà giải. Bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Phía ông Gi, bà V đề nghị chia đôi phần diện tích đất có tranh chấp. Tại phiên toà các bên đương sự giữ nguyên ý kiến như trong quá trình hoà giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Định Hóa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất có tranh chấp theo kết quả đo vẽ hiện trạng thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị D .

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất; đất có tranh chấp tại xã Bảo Cường huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; bị đơn cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; việc tranh chấp về quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên hòa giải nhưng không thành. Vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D , và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xét thấy: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo vẽ hiện trạng là 173,1 m2 đất LUC tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Diện tích đất này năm 2004 ông Lương Văn Lu (chồng bà D) nhận chuyển đổi đất với ông Đinh Văn T. Quá trình giai quyết tranh chấp ông Đinh Văn T, bà Bế Thị Thái (vợ ông T) khảng định phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình, năm 2004 đã đổi cho Ông Lương Văn Lu để ông Lu sử dụng, ông sử dụng phần diện tích đất của ông Lu đổi cho ông. Sau khi đổi đất, phần diện tích đất của hai thửa đất đã đổi còn lại, năm 2007 mới chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Gi. Khi chuyển nhượng hai bên đã xác định vị trí, ranh giới chuyển nhượng rõ ràng, không có phần diện tích đất tranh chấp này. Lời khai của ông Đinh Văn T, bà Bế Thị Thái là người chuyển đổi quyền sử dụng đất với ông Lương Văn Lu (chồng bà D) sau khi chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông Lu, phần đất còn lại mới chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Gi phù hợp với hồ sơ chuyển đổi, chuyển nhượng và kết quả đo vẽ hiện trạng: Hợp đồng ghi rõ các thửa đất chuyển nhượng, trong đó thửa 622 diện tích chuyển hượng là 615,6 m2, thửa 625 diện tích chuyển nhượng là 494 m2, sơ đồ và biên bản kiểm tra thực địa ghi rõ phía đông (thửa 625) giáp đất ruộng ông Nhâm có cạnh là 34 mét, phíc Bắc giáp đất ông Lu là 20 mét. Kết quả đo vẽ hiện trạng đất thể hiện phía đông (thửa 625 bản đồ 299) nay là thửa 90 tờ bản đồ số 31, chiều dài cạnh thửa giáp ruộng ông Nhâm (trừ diện tích đất tranh chấp) có chiều dài 34,41 mét, phía bắc giáp đất ông Lu (nay có tranh chấp) là 19,99 mét.

Về diện tích đất chuyển nhượng giữa ông Đinh Văn T với ông Nguyễn Văn Gi: Sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn Gi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/5/2007, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 045160 do Uỷ ban nhân dân huyện Định Hoá cấp ngày 16/5/2007 bao gồm các thửa đất 622, 625, 1015 tờ bản đồ số 02 bản đồ 299 xã Bảo Cường, diện tích đất nhận chuyển nhượng đủ.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, xác định: diện tích 173,1 m2 có chiều dài cạnh thửa tại thửa đất số 90 tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường qua các điểm theo Bản vẽ hiện trạng của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ Tài nguyên Môi trường và Xây dựng số 6 (Quận Đống Đa, thàng phố Hà Nội) đo vẽ ngày 09/5/2023 qua các điểm "DEFGYRD" thuộc quyền sử dụng của gia đình bà

Nguyễn Thị D . Quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà, ông Gi, bà V đề nghị chia đôi phần diện tích đất này để mỗi bên sử dụng ½ nhưng bà D không nhất trí.

Xét thấy: Để đảm bảo quyền của người sử dụng đất hợp pháp được Nhà nước bảo vệ cần công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị D .

Về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Do các bên đương sự không xác định được, không có tài liệu chứng minh cụ thể diện tích, chiều dài cạnh thửa của phần diện tích đất có tranh chấp, giá trị quyền sử dụng đất nên phải tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên cả hai bên đương sự đều phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 157, 165, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Các điều: 9, 10, 49, 50, 105 Luật Đất đai năm 2003; Các điều: 5, 99, 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013. Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005. Các điều 11,106,115 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/ 2016 UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/ 2019/ NQ - HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D :

Công nhận diện tích 173,1 m2 đất LUC tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị D . Vị trí, diện tích 173, 1 m2 có chiều dài cạnh thửa tại thửa đất số 90 tờ bản đồ số 31 bản đồ địa chính xã Bảo Cường qua các điểm theo Bản vẽ hiện trạng của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ Tài nguyên Môi trường và Xây dựng số 6 (Quận Đống Đa, thàng phố Hà Nội) đo vẽ ngày 09/5/2023 qua các điểm "DEFGYRD" (có bản sao bản vẽ hiện trạng kèm theo bản án).

Bà Nguyễn Thị D có quyền làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất cho hộ gia đình tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền,

Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng), bà

Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Gi mỗi người phải chịu ½ trên tổng số tiền chi phí tố tụng. Bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng chi phí và đã chi phí đủ, ông Gi phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiềm chi phí tố tụng phải chịu nêu trên là: 4.150.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Gi phải chịu 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Bà Nguyễn Thị D 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004576 ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa(02 bản);
- THADS huyện ĐịnhHóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiểm